

PHAN NHẬT NAM

*Gửi người
bạn lính*



GỎI NGƯỜI BẠN LÍNH

Phan Nhật Nam

SANTA ANA
5_1999

gởi người bạn lính

phan nhật nam

*Bìa: **M.P***

*Trình bày: **Muôn Phương***

Nguồn: Internet

Muôn phương góp lại, trả về muôn phương

**gởi người
bạn lính**

PHAN NHẬT NAM

ÔNG TH TRG THÂN,

(Lời cần chú của người viết: Những danh xưng trong ngoặc kép nếu không phải viết hoa vì do quan điểm, đó không là “danh từ riêng để nói về một con người”, nhưng là danh từ chỉ một “tai họa chung”, không riêng cho mỗi cá nhân, một tập thể, nhưng toàn Dân Tộc Khổ Nạn gọi là Người Việt Nam, người sống lẫn người chết, cũng không loại trừ những đối tượng gọi là “đảng viên Đảng Cộng Sản”.)

CHƯƠNG 1 DẪN NHẬP

Sau đây là câu chuyện có xuất phát từ những tiểu phẩm phê bình, thơ, tạp bút văn học và một cuốn sách nhận định về người và việc chính trị, quân sự, (thật rồi rắc nếu như ông và tôi phải viết cho nhau lên báo về những điều gọi là thơ, phú, chữ nghĩa luận lý này), nhưng vì tôi phải dọn nhà thêm một lần nữa (không biết là mấy lần rồi) sau năm năm ở Mỹ, địa chỉ ông lại bị lạc đâu mất... Nên tôi mượn báo các bác dưới Cali, cùng bạn bè bốn phương gửi bài viết này đến ông (nếu may ra không bị bỏ

đâu đó), để nói rõ ra câu chuyện sắp kể ra dưới đây. Cũng bởi, hôm tháng 7_1997, ở Orange County, CA ông đã bênh vực tôi vì điều: ‘Viết như thế nào để được xứng đáng là ‘nhà văn chân thật?’ Xưa nay, hơn ba mươi năm qua, ông và tôi cũng khá đậm ân tình, dù có giai đoạn cách xa mất bất lâu dài, nhưng có những lúc nguy nan, cận kề hơn thân thích ruột thịt... Ông chia cho tôi điều thuốc chống rét dưới chân đèn ‘tắt thở’, xã Việt Hồng, Hoàng Liên Sơn, mùa đông năm 1976; tôi khiêng ông qua cầu sinh tử, trại Z 30D, cuối năm 1988, đoạn đường ông ‘thật chết’ hơn là còn sống với bộ não vỡ hồng cầu máu đến lượng cuối cùng. Thế nên, câu chuyện sau đây chắc hẳn không còn ‘tính thật’ nào khác hơn cảnh đời của ông và tôi đã đi qua và cũng đang sắp hết.

CHƯƠNG 2 AI “ÁC” HƠN AI?

Nội dung câu chuyện có điểm cụ thể như thế này: Chưa hề ai trong đám viết lách ở Sài Gòn, Miền Nam trước kia, hoặc hải ngoại như bây giờ đòi ‘phanh thây, uống máu quân thù...’, cũng không ai trong chúng ta có lời trù siết, mắng mỏ người cầm bút ngoài Bắc, trong khu là ‘bọn răn độc, thằng ngụy kia, tên phản động, tay sai nợ, như cách chửi “xách mế” đặc trưng của những tay danh sĩ Bắc Hà, Tô Hoài, Chế Lan Viên, Trần Trọng Đăng Đàn, Nguyễn Khải, DThHương... hoặc ‘ví von dạy dỗ’

kiểu Huế của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Đối với đám người khốn khổ sau 30 tháng Tư 1975 khi tập trung ở ‘Trung tâm bồi dưỡng chính trị’ đường Nguyễn Du Sài Gòn, hoặc ở các kỳ ‘lên lớp học tập’ nơi trại tập trung như ông và tôi đã phải chịu đựng. Cũng không ai trong chúng ta, những người mặc áo lính, một lần đặt vấn đề ‘Ai hơn Ai’ với đám cán bộ, bộ đội nón cối dép râu ở ngoài Bắc vào, hoặc quần khăn rằn, mũ tai bèo trong bưng ra. ‘Ai hơn Ai’, thì người, việc và sự thật lịch sử đã nói đủ, hà tất phải bàn thêm.

Hôm nay, Tháng Tư hai mươi bốn năm sau ngày mất Miền Nam, bảy thế hệ người Việt, những người sinh từ những thập niên 20, 30... đến 70, 80, ắt hẳn đã tự xác chứng đủ và đúng ‘thế nào, cái gì là đảng và người cộng sản Việt Nam?’, kể cả những người đã và đang là đảng viên của tổ chức khốc hại ấy. Đây không là nhận định từ những cá nhân đơn lẻ về một đối tượng,

phong trào theo cảm tính riêng tư, nhưng là kết luận chung nhất của tập thể dân tộc, trong đó mỗi người tự khổ đau, sự chết đã nhận định, chọn lựa để nên thành. Cũng không phải chỉ riêng hai triệu người Việt đã hiện thực quyết định chọn lựa bi tráng cao thượng nầy với trị giá 600.000 mạng vong trên đường di tản kể từ thời điểm kia, nhưng hôm nay là những người đã một lần ‘kéo pháo lên đồi Hồng Cúm, Him Lam trong chiến dịch Điện Biên 1954’, hay ‘xé dọc Trường Sơn đi cứu nước’ ở những năm 60, 70. Lực lượng nầy càng ngày càng đông, không riêng nơi miền Nam mà khắp cả nước với những người thuần thành là cán bộ cộng sản – Cán bộ cấp lãnh đạo – Tập đoàn đã dựng nên kỳ tích “đánh thắng hai đế quốc sừng sỏ của nhân loại” để đưa Việt Nam nên thành một nước thuộc hạng ngèo đứng thứ tư thế giới nếu kể từ dưới trở lên. Đến nay, chính những người nầy đặt vấn đề với nhau do tranh đoạt và sử dụng

hậu quả về “thành tích” của họ.

Sở dĩ tôi phải nại đến nhiều người với dẫn chứng nhiều việc như trên để xác nhận lại một điều tưởng như bình thường mà ông và tôi luôn gìn giữ, thực hiện qua đời dài tận sống và thực viết với khổn nhục trăm bề (hóa ra ông với tôi là hai sĩ quan cấp nhỏ nhất, cho dù cấp bậc ông là thiếu tá, và cũng ở tù lâu nhất) – Điều ấy là, (tôi mượn tiếng lời Võ Phiến) – Chúng ta là những Người Lính can trường. Chúng ta là những người Viết Văn chân thật. Và chúng ta cũng không hề có chữ nghĩa khinh thị, thái độ bất công với những người ‘phía bên kia’, mà quả tình, giờ này, không còn ở ‘phía’ nào khác ngoài hai phía: Một bên, những kẻ cầm quyền và tập đoàn gây tai họa vô lương và bên kia khối dân bảy mươi bảy triệu người chịu đựng cơn quần bách suy kiệt trăm kha không cơ may giải cứu. Và hôm nay, sắp bắt đầu thiên niên kỷ thứ ba, khối đông khổ nạn hơn bảy mươi

triệu người này cũng chỉ có những “trang bị tinh thần” đại loại như những khẩu hiệu, ‘Bác Hồ sống mãi trong sự nghiệp chúng ta’ hoặc ‘Sống – Chiến đấu – Học tập theo gương bác Hồ vĩ đại’ – Cái ‘sự nghiệp’ mà thiếu số lãnh đạo nhất định bắt tuyệt đại đa số phải “làm chủ” bằng cách thực hiện theo nhịp trống ‘xuống đồng tiến công’ dẫn đầu bởi một lá cờ đỏ. Tập đoàn cầm quyền kia thật ra biết rõ hơn ai sự khắc nghiệt ác độc vô lường này, nhưng do cách sa đọa của những kẻ lạm quyền kinh niên không cho phép họ có được chút nhỏ liêm sĩ để nói, làm khác đi. Đám ‘văn công, văn lại’, những ‘kẻ dụng văn’ theo lệnh ban Tuyên huấn trung ương Hà Nội cũng không có tiếng lời nào khác ngoài việc trưng lên một điều quái gở gọi là “tư tưởng hồ chí minh”. Xin được nói lại thêm một lần, tôi không viết hoa cụm từ này vì đây “không là tên thật về một con người”, nhưng là chỉ danh về một tai họa, và cũng do quan điểm, đây là điều

quái đản vô nghĩa, bởi chính kẻ kia cũng xác nhận cái gọi là ‘tư tưởng’ ấy cũng chỉ là những điều nhạt nhẽo tầm phào đầu đó mà thôi.

CHƯƠNG 3 BẠN? THÙ?

Nhưng, vấn đề tôi viết cho ông không những chỉ cốt nói đến đám người trên. Câu chuyện tôi đang đề cập trước tiên liên quan đến những kẻ khác, những người đang ‘thủ đắc tự do xử dụng, sáng tạo chữ nghĩa’ tại Mỹ, ở hải ngoại và những cáo buộc của những người này đối với chúng ta – Những Người Lính Viết Văn. Họ đã cáo buộc chúng ta với những lý luận không công bằng, thiếu tính trung thực, cũng thiếu bao dung đối với những

người dù sao cũng đã hiến đến máu để bảo vệ cho đời sống của chính họ trước 1975 ở Miền Nam, và khi đi tù, chúng ta cũng không làm gì sai phạm để gây nên tiếng bất xứng đối với vùng đất mà họ đã được nuôi dưỡng, lớn lên, tồn tại. Cuối cùng – họ phải đi ra khỏi nước chỉ do khi chúng ta bị tước mất vũ khí, tan rã đội ngũ – Cũng có nghĩa, chúng ta không còn khả năng bảo vệ Miền Nam trong đó có bản thân «những kẻ phê phán hôm nay», trước đại họa cộng sản. Hai mươi bốn năm qua, một số đông người Việt ở hải ngoại hầu như vô ý quên khuất (hoặc cố tình không nhớ lại) điều khắc nghiệt cay đắng này – Chúng tôi hằng bị cáo buộc từ những người chúng tôi luôn cố tâm bảo vệ.

Năm 1997, tôi nhận được bài thơ sau đây do một bạn trẻ gửi đến,

‘Độc lập,

Hòa bình,

Công bằng,

Nhân đạo

Mắt em thơ hơn hờ nộ cười tròn

.....

Nòi giống Việt thương yêu đời sống

Việt

Triệu con người vươn lên từ cỗi chết

Yêu anh em yêu xã hội công bằng

Người yêu người xây dựng đến muôn
năm’.

Bài thơ dài nhưng tôi giảng lược, chỉ lấy ý cần thiết, đăng từ một tờ báo trong nước với lời ghi chú về tác giả và xuất xứ bài thơ: Phan Duy Nhân, TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐI TỚI, Hội Sinh Viên sáng tác, Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn, 1967.

‘Tên thật là Phan Chánh Dinh, sinh năm 1941 tại Quảng Trị. Trước khi thoát ly lên chiến khu năm 1966, anh thường đăng thơ trên các tạp chí Bách Khoa, Văn, Văn Học, Sinh Viên Huế. Anh là thành viên nòng cốt của nhóm Việt Nam Việt Nam.

Trong cuộc tổng tiến công Mậu Thân, anh bị thương và bị bắt tại Đà Nẵng, sau đó bị giam ở nhà tù Côn Đảo, đến năm 1974 mới được trao trả.

Thơ Phan Duy Nhân đã góp phần quan trọng trong việc khẳng định sự tồn tại và phát triển của dòng văn học yêu nước, cách mạng ở Miền Nam trước 1975.

Hiện nay, Phan Duy Nhân (Nguyễn Chính) đang công tác ở Ban Tôn Giáo chính phủ.

Trích báo trong nước, 1997.

Tôi không lạ với Dinh – Phan Duy Nhân, phải nói quá thân thiết, vì đây là một trong những người bạn chí cốt, đã sống cùng tôi qua một thời tuổi trẻ. Cuốn *Ái Trần Gian*, Đại Ngã Sài Gòn 1970 lấy Phan Duy Nhân và biến cố Miền Trung, Đà Nẵng 1966 làm nhân vật trung tâm cho toàn cảnh. Thơ Phan Duy Nhân vẫn gây

xúc động cho tôi từ thuở thiếu thời mãi đến hôm nay, nhưng bài thơ trên cho đăng lại ở thời điểm này (1997) với lời ghi chú kia và cố ý gửi đến tôi (do biết rõ xuất xứ, mục đích) là một khinh miệt đối với nỗi đau vô vàn của một tập thể to lớn – Những nạn nhân từ cuộc ‘cách mạng’ mà Dinh đã tận hiến với toàn bộ tuổi trẻ, sinh mạng của mình, không phải chỉ bản thân cá nhân anh mà cả tập thể gia đình, vợ con, cha mẹ. Nhưng dẫu kính trọng phần hy sinh cao thượng ấy bao nhiêu đi nữa, tôi vẫn không thể nào không xót đau cùng tập thể bị khinh miệt, đày ải này, cũng bởi lẽ, ông và tôi, những người sống không nên dạng, chết không yên mô, đối tượng chính bị bức hại của cuộc cách mạng đáng nguyên rủa, rất mực vô ích và đắt giá khổ đau này. Bài thơ cũng xuất hiện cùng lần với những sự kiện Xuân Lộc, Long Khánh; Trà Cổ, Thái Bình, với những vị cao tăng Thích Quảng Độ,

Thích Huyền Quang... bị sỉ nhục, vu cáo như những kẻ tội đồ tồi tệ. Dinh bây giờ lại là Nguyễn Chính, phó ban tôn giáo trung ương đảng, nên không thể khách quan tô vẽ anh vẫn luôn là một ‘chiến sĩ cách mạng thuần thành trong sáng’ với ‘bàn tay sạch sẽ hào hiệp’ trên đây lưu giữ những hạt kim cương bất hoại, ‘độc lập, hòa bình, công bằng, nhân đạo’. Giới thiệu như lời dẫn nhập kia là cách hạ nhục vô lương đối với khối người Việt đã, đang gánh chịu một tai họa gọi là ‘chủ nghĩa xã hội’. Phổ biến nội dung bài thơ cũng tương tự như cách phỉ nhổ tàn nhẫn trên thây xác người vượt biên trôi vào bờ biển Vũng Tàu, bộ đội biên phòng vớt lên tấm bảng ‘bọn phản quốc, bỏ nước đi trốn bị trừng trị’. Người chết là một thiếu phụ trẻ với xác đứa con cùng lần tấp vào.

Thế nên, trong tình thế chẳng đáng dừng của ‘nỗi đau luôn là nỗi đau chung’

tôi có tiếng lời đáp lại như sau:

‘Bạn ơi,

nào...

‘Độc lập,

Hòa Bình,

Công bằng,

Nhân Đạo...’

Hãy nhớ lại cùng tôi câu chuyện cũ,

750.000 con người bật tằm dấu mặt

Bởi ‘tội lỗi từ danh xưng địa chủ’

Buổi đất Nga,

Nhờm nhớp máu tanh

Cuộc chiến nguy danh ‘nhân dân vệ
quốc’

Stalin cầm quyền vừa đủ bốn năm.

Gieo kiệt cùng côi Âu-Á mệnh mông

Khô thảo dã,

Cháy bình nguyên,

Hai mươi lăm triệu nông dân cắn răng
vỡ tuyết.

Hợp tác hoá

Hơn nửa gia súc bị giết
 Người giết trâu bò
 Tự thân cắt đứt tay chân.
 Sầm sập lớp lớp tù nhân
 Chật chỗ hai trăm năm mươi ngàn
 nông xã.

Lúa gặt hai mươi lăm thùng
 Thuế đóng hầu như tất cả
 Thoi thóp nhà nhà
 Góp nhặt thóc rơi qua từng ngày khốn
 khổ mùa đông.

Mỗi người,
 Từng mỗi con người
 Co quắp rét chết
 Mắt chống ngược nhìn trời
 Cầu hơi ấm chuyển vào xuân.
 Nông dân: Bọn phản động,
 Khẩn kíp giết đi¹!!

Chúng ta kiên trì vững bước tiến lên
cách mạng.

1 Lệnh tấn công tàn sát giai cấp nông dân Nga của Stalin.

Cũng “cách mạng” bạn quyết tâm thực hiện.

Chuyện cũ kỹ trời xa

Đây, thêm lần lặp lại

1953,

Chuẩn bị Đông Xuân kịp tổng tấn công.

Bé đói lả run khắp đắp tàu chuối rũ

Cẩn đất bùn,

Củ khoai ủng quắp queo

Tay nhỏ thả lơ tằn hơi kiệt sức.

Con địa chủ không cho quyền sở hữu

Ổ rơm, đôi đũa

Trả nợ cha ông từ thuở lên ba.

Cải cách ruộng đất

Miền Bắc sau ‘Một-chín năm-tư’, 1954

Không có gì đổi khác...

Giết người cần chi súng đạn,

đào đất,

chôn sống,

hoàn tất công tác.

Săn - Bắn nông.

Quả mìn đầu tiên nổ đoạn ga Dầu Giây
Trảng Bom, Biên Hoà
không đem qua từ Mỹ.
Người ấp thượng Daksong mỗ toang
phần bụng
chưa hề đi lính ‘ngụy quân’.
Những máu, những xương
Rơi rớt lây lất oan khốc thôn xóm Miền
Nam
Không dấu vết bất kỳ tập đoàn đế quốc
thực dân xâm lược.
Bạn ơi,
‘Cách mạng’ cần chi nhiều trận máu
xương?!
Làm Thơ,
Vâng,
... Chân Thật - Công Bằng - Nhân Đạo
Tuổi chúng ta không hề đi lính cho Tây.
Vẻ vang Điện Biên, thấm nhọc đầu
hàng trên
đôi Him Lam,

hoàn toàn không dự phần, góp mặt.

Và,

Cách mạng?

Hắn thật mặt sau ba mươi năm chẵn.

‘cách mạng’,

Bạn lâu dài trưng dụng máu Nhân Dân.

Chúng ta,

Đầu trần, chân đất

Đường đi học thơm ngậy lá khô, cỏ sắc

Trường lớp tạm ngưng

Trưng dụng chứa quan tài

nạn nhân chết nhầy đèo Hải Vân

tàu lửa oan khiên du kích giết mìn lật

sắp.

Lệnh động viên,

Người thầy bỏ ngang phần bảng

Bạn ơi,

Chiến công nào vinh quang

Đôi Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam

Mã tấu, dao găm vằm chặt liên hồi

Thầy ta gào đau rẫy chết.

Thơ không đồng lõa lệnh sát nhân
Thi Sĩ bên lòng thiện tâm phủ nhận.
Tiếng hát ‘Xuống Đường’ Sài Gòn vỡ
tung lồng ngực

Đốt xe jeep Mỹ chạy qua Kỳ Đồng
Man rợ chung phần lửa cháy đỏ Mậu
Thân.

Ở Huế,

Tổng kết

Đào lên

Những nắm mồ tập thể...

Người già, giáo dân nhiều hơn xác lính

Nơi chân Cầu Bạch Hổ

Thuở bạn làm Thơ.

Thơ phải lên tiếng hai lần Sự Thật.

Bạn ơi,

Không giấy bút

Ta khắc sâu vào óc

Ngôn ngữ không là lời lu loa còi cọc

‘độc lập, hạnh phúc...’

Sứ Mệnh rộn rã TIM ta

THƠ sắc son hiện thực
Hơn ba mươi năm
Đâu «công bằng?
Nào nhân đạo»?
Bạn ơi,
Thích Quảng Độ,
Tỉnh Thái Bình,
Thăm thăm gào tiếng xé ngắt...
TỰ DO.

CHƯƠNG 4 TÍNH THẬT Ở ĐÂU?

Sau khi tôi có phản ứng như trên đối với bài thơ của Phan Duy Nhân và gửi bài viết đến tạp chí Hợp Lưu của Khánh Trường. Sỡ dĩ tôi chọn Hợp Lưu làm địa chỉ trao đổi vì hơn ai hết, Khánh Trường là người biết rõ mối giao tình giữa tôi và Phan Duy Nhân; ông ấy và tôi lại có phần thân thiết của người một đơn vị, Tiểu Đoàn 9 Dù, cũng là người đầu tiên đón tôi tại Cali, đưa về nhà trú ngụ, cùng dự những sinh hoạt, chung sở thích. Phải nói rõ ra những

chi tiết kia để hiểu rằng khi đưa chuyện tôi lên mặt báo để nói về một điều uẩn khúc, hơn nữa, hôm viết bài báo về tôi, Khánh Trường đang ở trong giai đoạn sức khỏe suy yếu, thế nên, người bạn này quả đang phải làm một việc 'không nói không được'. Khánh Trường và tôi lại cùng có cách phóng khoáng của người lính, thì tình hình 'nguy biến' từ bài viết của bản thân tôi phải là một sự việc không thể khóa lấp, dung hòa. Qua bài viết chí tình, thành thật (như bản chất vốn sôi nổi, nồng nhiệt) Khánh Trường muốn nhắn nhủ cùng tôi rằng: 'Tôi phải công bằng với bạn (Phan Duy Nhân) - Có nghĩa, trong cuộc phân định đúng, sai, tiếng lời, thái độ (chính trị) của Phan Duy Nhân nằm về phía chân lý, sự thật'. Đến đây vấn đề không còn là câu chuyện riêng tư của hai người bạn văn với một thể tài văn học, nhưng đã là một chọn lựa, kết luận cuối cùng giữa hai bên biên giới bất khả khoan nhượng Quốc – Cộng; Dân Chủ – Độc Tài.

Nếu tôi Sai – Toàn thể tai họa đảng cộng sản gây nên từ tháng 9 _ 1945 đồng được biện minh và hợp lý hóa với thắng lợi nơi ngày 30 tháng Tư 1975. Nếu tôi Sai, những cái chết từ Nhượng Tống, Khái Hưng, Phạm Quỳnh... đến Từ Chung, Chu Tử, Trần Văn Tuyên, Hiếu Chân, Dương Hùng Cường, Nguyễn Mạnh Côn, Hồ Hữu Tường... (hạn chế với đối tượng người làm văn hóa, văn nghệ)... sau 1975 phải là ‘những trừng phạt xứng đáng đối với những kẻ tội đồ phản bội dân tộc’. Nếu tôi Sai, những người hôm nay, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Trí Siêu, Tuệ Sĩ, những cao tăng, tu sĩ Thích Quảng Độ, Thích Huyền Quang, Linh Mục Trần Đình Thủ... đồng phải lên hai lần giá chém mới xứng đáng những tội phạm ‘âm mưu lật đổ chính quyền, tay sai đế quốc, thành phần chống đối điên cuồng phản cách mạng’. Nếu tôi Sai, 600.000 người chết trên đường di tản, những kẻ vừa nằm xuống mới đây nơi Xuân Lộc, Long Khánh,

Trà Cổ, Thái Bình... Và cuối cùng, hai triệu người Việt Nam nơi hải ngoại, kể cả mấy chục ngàn người ra đi từ miền Bắc trước, sau 1975 theo kế hoạch ‘hợp tác lao động’ sang các nước Đông Âu, nay trở thành một loại ‘tiện dân bất hợp pháp’ nơi các nước sở tại... Tất cả phải xuống tàu về nước, đến xếp hàng trước lăng hồ chí minh để đập đầu, dẫm ngực tự kết án về một tội nghiêm trọng, ‘bất xứng đối với tổ quốc, bởi bỏ trốn ra khỏi nước’. Lẽ tất nhiên, cũng phải có mặt những người hiện nay đang phê phán chúng ta về một ‘mối tội’ vì đã có ‘những tiếng lời nội dung thiếu sáng tạo văn học, không công bằng chính trị’. Vâng – Nếu tôi ĐÚNG – **Tất cả tội ác, tội phạm trên phải viết lại với một danh xưng, một thủ phạm duy nhất – Đảng và Người Cộng Sản Việt Nam.**

CHƯƠNG 5 NHÀ VĂN LÀ AI? VIẾT GÌ?

Tôi trình bày tiếp hiện tượng ‘phê phán’ thứ hai. Cũng trên báo Hợp Lưu, một thời gian sau, khoảng giữa năm 1998, có bài viết phê bình văn học của Nguyễn Hưng Quốc. Người nầy phê bình, định giá một loạt những người viết văn ở Miền Nam trước 1975...

“Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Tô Thùy Yên... (lẽ tất nhiên không thiếu ông, tôi) với nhận định như sau: ‘Những người viết của Miền Nam

trước 1975, nay ra đến hải ngoại đã mất hết năng lực, không thể tiếp tục sáng tác. Từ hiện tượng cụ thể này, có thể quy ra kết luận rằng, những sáng tác trước đây thiếu phẩm tính văn học cao, thiếu sâu sắc, thiếu sức sống. Tóm lại, hãy vất bỏ tất cả (của quá khứ) qua hiện tượng bất lực, kém cỏi (từ hiện tại)”.

Vâng, nếu đúng như vậy, thì chúng ta cũng có thể nói rằng: Hãy vất bỏ bà Hồ Xuân Hương, vì thơ “Quả Mít, Đánh Đu”... thiếu hẳn tính ‘sex’ so với những cô nàng, làm thơ nói về “cái giống, chuyện làm tình”, thường xuyên đăng ở Hợp Lưu. Nhưng dù sao, cũng cảm ơn, tác giả Nguyễn Hưng Quốc này chưa đề nghị cho chúng ta những biện pháp tương tự như đám công an văn hóa ở Việt Nam thường áp dụng đối với những tay viết “không theo đúng đường lối” như đi học lớp ‘Bồi dưỡng chính trị’, hoặc tu nghiệp ở “Trường dạy viết văn Nguyễn Du”,

xong đi “công tác thực tế” ở các, công nông trường, như Nguyễn Tuân, Tô Hoài phải lên miền Tây-Bắc sau 1954, hoặc Nguyễn Khải “sáng tác tại hiện trường” nơi công trường cao su Dầu Tiếng, Hậu Nghĩa sau 1975, để viết được những tác phẩm ‘có nội dung và lời văn đạt mục đích và yêu cầu’. Trước 1975, ở đâu nơi Miền Nam có những ông ‘cán bộ văn hóa’ khắc nghiệt và quá độ nghiêm túc nầy? Và giá như ngày trình diện đi tù năm 1975, chúng ta có được ‘đánh giá vô hại’ nầy làm bùa hộ thân, thì biết đâu đám cán bộ công an tuyên vận văn hóa có thể đã không nở xuống tay...

Ông, 15 năm; tôi 14; Như Phong, Doãn Quốc Sỹ 13; Tô Thùy Yên 10; Hoàng Hải Thủy 8; các Huynh Trưởng Nguyễn Sỹ Tế, Mặc Thu, Hà Thượng Nhân, Lô-Răng... người ít nhất cũng 6, 7 năm; Trần Dạ Từ, Duyên Anh, Nguyễn Mạnh Côn, Hiếu Chân, Duy Lam... hoặc mạng vong hoặc

chạm tới cửa tử (như Phương Triều với một màn “mổ sống” với lưỡi lam, không thuốc mê, không cả thuốc tê, dưới đèn dầu) chỉ vì những lời thơ, dòng chữ; Duy Trác, Từ Công Phụng phải chịu cảnh kiên giam chỉ do bởi bản nhạc, tiếng hát; Hà Tường Cát, Vũ Ánh dài trận cùm xiềng chỉ vì những bản tin; Thụy Vũ, Nhã Ca, Lê Hằng sống nên dạng, toi tả kiệt cùng do từ những “tác phẩm sa đọa, đồi trụy, phản động”... mà thật sự không hề gây thiệt hại tinh thần, vật chất cho bất cứ ai.

Hãy chịu giùm chúng tôi một ngày của khoảng thời gian không hề hết kia?! Chữ nghĩa không dành riêng cho ai, cũng không ai giành của ai một “vị trí văn học” nào, và đâu là chuẩn mực của sáng tác phẩm?! Hết một đời người sống-viết cũng chưa đủ ‘tiêu chuẩn’ để được nên xứng đáng gọi là nhà văn sao?! Ngồi yên lành một nơi kêu gọi, buộc người khác làm ‘cách mạng văn

hóa, sáng tạo văn học' thì có gì khó khăn. Và không lẽ cuộc 'cách mạng' nào cũng cần đến những phẩm vật hiến tế bằng chính thân phận con người sao?

Tuy nhiên, tôi thiết nghĩ, và tin chắc rằng, ông, tôi và các bạn văn thuộc thế hệ "tiền 1975" vẫn yên tâm – Bởi chúng ta hằng sống – chiến đấu – viết như đã từ bốn mươi, ba mươi năm qua, giữa vũng tối, tận cái chết, chân mang cùm, mặt đối với khung đen vô tận của cửa phòng giam. Không ai chia cùng ta nỗi thống hận gớm ghê này. Không một ai.

CHƯƠNG 6 BÙI TÍN, CHỈ MỘT NỬA “MẶT THẬT”

Cuối cùng, câu chuyện sau là một hiện thực về những đối nghịch bi-hài, diễn tiến, kết thúc mâu thuẫn của hằng hà xếp đặt vô thường nơi cuộc sống trần thế. Ngày 4 tháng 3, 1973, tôi là ‘người Nam Hà đầu tiên ra Bắc’ (theo cách gọi của Đỗ Ngọc Yến); ngày 29 tháng 5, 1988, tôi lại là ‘người Miền Nam cuối cùng rời trại tù đất Bắc’. Hai chuyến đi cách xa mười lăm năm, bằng khoảng thời gian luân lạc

của cô Kiều. Tuy nhiên, cho dù đã phải trải qua nghiệt cảnh đặng đặng tận cùng thống khổ, trở về Miền Nam với thân phận người tù bị lưu đày trên quê hương, cổ tay mang cùm, cửa toa đóng kín (để tránh sự hăm dọa, phần nộ của nhân dân do còn ‘thù hận tội ác Mỹ – Ngụy’, theo cách giải thích của viên cán bộ chỉ huy đoàn tàu chở tù), nhưng khi xe lửa qua cầu Hiền Lương, bắt đầu địa giới Miền Nam, qua Cổ Thành Quảng Trị hoang tàn, thấy lại quê hương Miền Trung điêu linh tang tóc chưa đủ sức hồi sinh dấu chiến tranh đã mười lăm năm chấm dứt... Lòng tôi vẫn bùng bùng ngọn lửa tự tin bền bỉ – Chúng tôi là người đi đúng đường, cùng thở chung mạch sống với quê hương. Bởi ‘sự thật’ không như lời viên cán bộ giải thích. Đoàn tàu đến ga Đà Nẵng vào trưa, đám đông nhào đến cửa toa, gào tiếng lớn dầm nước mắt... Các anh ăn chi... các anh ăn chi... Sao giờ

này các anh mới được đưa về, bánh đây... nước đây, chúng tôi không lấy tiền. Chúng tôi luôn nhớ các anh... Đám đông định nhào lên toa xe, toán bộ đội áp tải nhón nháo, lăm lăm súng. Tôi ngồi riêng một mình (cấp đại úy độc nhất còn lại từ trại tù Miền Bắc), mắt doanh tròng đẫm lệ bởi đã được thêm một lần xác chứng điều tưởng như nghịch lý – DẤU ĐÃ CÙNG ĐÀN HỒ CHỊU BÓ TAY THẤT TRẬN NƠI CHIẾN ĐỊA, NHƯNG CHÚNG TÔI CHÍNH LÀ NGƯỜI LÍNH MONG ĐỢI CỦA DÂN TỘC VIỆT. PHẢI, CHÚNG TÔI CHỨ KHÔNG AI KHÁC, LÀ NGƯỜI THẮNG TRẬN CUỐI CÙNG – LẦN CHỌN LỰA CHÍNH NGHĨA – HIỆN THỰC TRONG LÒNG MỖI NGƯỜI DÂN. Vấn đề đã một lần nói cùng Bùi Tín trên chuyến đi ra Bắc mười lăm năm trước.

Đến sáng ngày 30 tháng Tư, 1975 tại Dinh Độc Lập, như một điều tất nhiên, Bùi

Tín vẫn không hề tỏ ý định chấp nhận kết luận chung cuộc trên, trái lại đã có lời nhắn gửi qua Tú Gàn, Nguyễn Cần, «... Hãy về nói với Phan Nhật Nam, cuối cùng chúng tôi là kẻ thắng trận». Thật sự, anh ta muốn răn đe cùng tất cả những người cầm bút ở Miền Nam với tâm lý hãnh tiến của một kẻ vừa đoạt thắng mục tiêu trên thây xác đối thủ chung dòng máu, cùng màu da. Điều này không là vô đoán, vì bản thân Bùi Tín hằng bộc lộ rất nhiều lần qua cung cách” hạ mục vô nhân” suốt trong những kỳ họp báo ở Tân Sơn Nhất giai đoạn 1973-74, điển hình, cụ thể qua cuốn sách nhỏ “Sáu mươi ngày thi hành Hiệp Định Paris” ký tên Thành Tín, với những nội dung đại loại: “... Chấp hành nghiêm chỉnh nội dung và lời văn Hiệp Định Paris, thể hiện tinh thần Hòa Hợp và Hòa Giải Dân Tộc, Nhà Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam

cực lực tố cáo những hoạt động quân sự nổi lẩn của phía Việt Nam Cộng Hòa do chính phủ Mỹ hà hơi tiếp sức vi phạm Hiệp Định... “. Thái độ, tiếng lời của kẻ thù đoạt toàn bộ “sự thật”, đồng thời giành quyền sử dụng bạo lực để bảo vệ “sự thật một phía” này.

Nhưng những tưởng, sau khi tỉnh cơn mê thiếp “Đại thắng Mùa Xuân” từ 1975 đến thời đoạn thập niên 1980, 90 lần viết “Hoa Xuyên Tuyết, Mặt Thật”, Bùi Tín đã có cơ hội và hoàn cảnh để “phải điều chỉnh” về kết luận ‘nóng vội, duy ý chí’ kể trên, nhưng, với ‘MÂY MÙ THẾ KỶ’, hóa ra ‘chân lý’ tối hậu sau đây vẫn luôn chính xác và tồn tại: ‘Sông có thể cạn, núi có thể mòn... Nhưng, người cộng sản (lại là Việt cộng) không bao giờ thay đổi!!’. Đây không là cách nói mĩa mai, vẫn về theo khẩu hiệu, nhưng từ thực tiễn đến luận lý, người cộng sản (lại là Việt cộng) quả thật là những tay

bảo thủ kiên trì đáng sợ. Bảo thủ vốn đã là một tính chất không mấy tốt đẹp, huống gì cứ cầm cầm giữ chặt một điều quái gở, cực độ vô dụng, vô nghĩa lý (gọi là “chủ nghĩa cộng sản”) làm bùa yểm huyết sinh tử thì quả là một hiện tượng tâm lý không bình thường nơi một sinh vật có đủ chức năng trí não gọi là con người. Tai họa thay, đây không là phản ứng riêng của một tên vô lại bá vơ nào đấy như gã treo cờ đỏ, ảnh hồ ở Cali trong tháng 2, 1999 vừa qua, mà là những con người, số đông những con người thuộc về một tập đoàn cầm quyền – và nhất định nắm chắc quyền lực như một thực thể tiên nhiệm, tự thân – Tập đoàn này do hồ chí minh, kẻ tội đồ gớm ghê nhất lịch sử loài người, (không chỉ riêng cho Dân Việt) xây dựng, tổ chức, huấn luyện, chỉ đạo để nên thành. Và thành quả của “sự nghiệp khốc hại” này đã, đang là cái ách khổ nạn trầm kha đối với toàn thể Người

Việt gần 50 năm qua. Và nay, chỉ còn hơn hai trăm ngày nữa sẽ chấm dứt một thế kỷ bão táp nhiều nhường, nhân loại đang sửa soạn bước vào Thiên Niên Kỷ thứ Ba với hàng loạt quy mô cách mạng khoa học, kỹ thuật, ý hệ to lớn, nhưng ở Việt Nam, ách khổ nạn kia vẫn không có dấu hiệu bắt đầu cho một lần thay đổi. Dẫu rằng, tập đoàn cầm quyền ở Hà Nội đã trương nên khẩu hiệu chiến lược gọi là ‘đổi mới’ từ sau đại hội đảng 1986, và một trong những kẻ phát ngôn – Người dụng văn tên gọi Bùi Tín – Nhân vật được nêu danh và tự đánh giá (qua một vụ đào thoát chính trị từ chức vụ “phó tổng biên tập báo Nhân Dân”, cơ quan ngôn luận trung ương của đảng cộng sản, có chức năng hành chánh như một bộ, nhưng với quyền lực chính trị lớn hơn gấp bội) là một ‘phản ảnh thuần chất, năng động của đường lối đổi mới, phê phán chế độ’. Nhưng, hóa ra Bùi Tín vẫn còn nguyên

và luôn duy trì ‘đặc chất’ của một “đơn vị chính trị gọi là người cộng sản”. Vì không những chỉ cương quyết bám chặt “sợi chỉ hồng xuyên suốt” để biện hộ cho tổ chức, phe nhóm và bản thân ở một thời đoạn đảo lộn tất cả hệ thống luận lý, thành quả lịch sử của phong trào vô sản, thợ thuyền, nông dân thế giới, Bùi Tín còn “hào hiệp” hơn nữa, nhận lãnh thêm chức năng “đại diện cho toàn thể Người Việt” thực hiện sự lựa chọn “chọn Người Cộng Sản thay vì Người Quốc Gia”, sau khi đã đánh giá, phê điểm khối đông nhân dân nầy có được một tính chất khả dĩ gọi là “cẩn thận”, dù rằng họ đã hằng hà chịu đựng, trăm bề khốn nhục gây nên từ những “Người Cộng Sản” – Đối tượng luôn xứng đáng với một danh xưng viết hoa trang trọng.

Khi làm công việc hệ trọng quyết định trên, Bùi Tín quên khuấy (hay cố tình không kể tới) sự kiện, Người Việt đã nhiều

lần chọn lựa tại những thời điểm trọng đại, tháng 8, 1945; tháng 7, 1954; Mùa Xuân 1968; tháng 1, 1973 và lần chọn lựa lớn lao triệt để nhất... Từ ngày 10 tháng 3, 1975, khi binh đội Bắc Việt tấn công cường tập Ban Mê Thuộc. Lần chọn lựa này không kết thúc với ngày 30 tháng 4, 1975, trái lại đang tiếp tục càng ngày càng gay gắt, quyết liệt đối với một khối dân đông đúc (không phải chỉ riêng ‘nguy quân, nguy quyền, nguy giáo, nguy dân...’ của Miền Nam, tập hợp này đã hoàn tất sự chọn lựa với đánh đổi ngay đến mạng sống, một đời tuổi trẻ của mình, mà biểu hiện sau cùng khởi đi từ Nam Cali, tháng 2, 1999 đang còn là một vấn đề thời sự mới mẻ, mà hiện tượng Người Việt toàn thế giới với Tuổi Trẻ Việt Nam lần đầu tích cực nhập cuộc đã trả lời về chọn lựa cuối cùng), đây là quần thể rộng lớn nơi quê nhà với hơn bảy mươi triệu người Việt, bao gồm những thành viên lương đồng hàng đầu

của đảng cộng sản. Bùi Tín đang làm chức năng đại diện không giấy phép (hoặc một giấy phép bí mật nào đó) cho chính những người “phản nộ nổi loạn” này: Những Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang, Bùi Minh Quốc, Hà Sĩ Phu... Nhưng đây là vấn đề riêng giữa những người cộng sản, chúng tôi, “Người Quốc Gia”, Người Việt Miền Nam có vấn nạn riêng.

Từ lý do “bị Bùi Tín đại diện một cách hàm hồ không ủy nhiệm”, chúng tôi BẤT BUỘC phải nói về một nhân sự. Cũng cần nói rõ thêm một điều, qua ba mươi năm hành xử chức năng người viết văn, bản thân cá nhân đã quyết gìn giữ và thực hiện được nguyên tắc: “Không viết về, kể đến, nhận xét, phê phán nội dung, hình thức chữ nghĩa của bất cứ ai, do có quan niệm – Quyền phê phán thuộc về người đọc” – Khối đông người đọc hằng có đủ bản lĩnh, khôn ngoan, tinh tế để kết luận, định giá

và kết thúc sinh mạng văn hóa chính trị của bất cứ người cầm bút nào, cho đấy là một tác giả lớn với những tác phẩm quan trọng đến bao nhiêu. Nhưng hôm nay, bởi ‘MÂY MÙ THẾ KỶ’ đã tràn ngập những nội dung:”Tôi xin nói thật rằng, những người “quốc gia”chưa tạo nên “niềm tin” đối với đồng bào trong nước, tuy bị bộ máy tuyên truyền trong nước khống chế, điều kiện hóa, đã qua kinh nghiệm bản thân, hiểu được sự thật, chán ngấy với sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản, nhưng bởi chưa thuyết phục được bởi những người “quốc gia”. Có người tuy biết rõ sự thật, hiểu tình hình đất nước, nếu phải lựa chọn, họ phải lựa chọn những người “Cộng Sản” hơn là người “Quốc Gia”, MÂY MÙ THẾ KỶ, Trang 291, NXB Đa Nguyên, 1998. Bỏ đi lối xỏ xiên so kè vật vãnh hằng xuất hiện trên báo Nhân Dân, Hà Nội từ nhiều năm nay... Gọi tên người lãnh đạo, những cơ

quan cầm quyền của khối không cộng sản, cho dù đây là Đức Giáo Hoàng Giáo Hội Công Giáo bằng những danh xưng cộc lốc, không viết hoa (hoặc viết hoa chỉ một nửa), như “giáo hoàng Pôn... tổng thống Ri-gân”. Quý độc giả lưu ý, hai chữ “quốc gia” phần đầu đoạn văn viết theo lối chữ thường, chữ “Quốc Gia” cuối cùng bởi phải đặt so sánh với “Cộng Sản” nên được một lần viết hoa!! Khi vạch ra những “tiên tiến tiểu xảo” này, chúng tôi không cố tâm soi bói về một vế viết, cách dùng chữ, nhưng bởi đã thấm đòn, sống cùng, chịu đựng nỗi lằng nhục ác độc dài lâu của người cộng sản, nên bản thân chúng tôi không nhìn sự kiện dưới dạng thức đơn giản, độc lập riêng của một câu, chữ trong cuốn sách, mà đã hiểu và phải hiểu ra rằng, tất cả từ ngữ, luận cứ trên đồng nằm trong một tổng thể: ĐÂY LÀ NHỮNG CHIẾC PHAO CỨU NẠN KHẨN CẤP CHO MỘT CHẾ ĐỘ ĐANG

TRONG KỲ SUY THOÁI HẤP HỐI – Nói theo ngôn ngữ cộng sản, đây là thời kỳ “thoái trào cách mạng toàn diện bế tắc”. TÔI BẮT BUỘC PHẢI MỘT LẦN LÊN TIẾNG – Bởi, NẾU KÉO DÀI IM LẶNG ắt sẽ được (thật ra là “bị”) đánh giá nên thành sự “đồng thuận của người thuộc phe quốc gia”- Những “người quốc gia dễ bảo, dễ tin, cẩn thận và khôn ngoan” sẽ chọn lựa “Người Cộng Sản thay vì Người Quốc Gia” theo như “phân tích có tính cách chỉ đạo, giáo dục” của Bùi Tín qua một loạt “mặt thật một nửa” đã viết nên trong những cuốn sách xuất bản nơi hải ngoại ở những năm qua. Thế nên, dẫu muộn màng sau đến hơn phần tư thế kỷ, 26 năm, chúng tôi phải nhắc lại khẳng định của một lần trên chuyến bay ngày 4 tháng 3, năm 1973: PHẢI, CHÍNH CHÚNG TÔI, LỰC LƯỢNG QUỐC GIA DÂN CHỦ LÀ NHỮNG NGƯỜI THẮNG TRẬN CUỐI CÙNG.

CHƯƠNG 7 VIỆC THẬT THẬT CẦN PHẢI NHẮC LẠI.

Chúng tôi cũng đã nhiều lần khẳng quyết từ những ngày rất lâu trước đây với trái tim trung trực hằng phần nộ đối với Dối Gạt – Ác Độc: “...Những người của miền Bắc hãy dành những dòng nước mắt khóc vì một người già nằm xuống sau chặng đường gây tai họa vô vàn cho dân tộc, để khóc cho những cái chết không toàn thân, nơi gốc núi, ngoài bìa rừng, khắp

cùng thôn xóm làng mạc quê hương của những người chết trẻ oan khiên... Những người chết từng giờ dằng dặt hai miền Nam, Bắc” Phan Nhật Nam, Dọc Đường Số I, Đại Ngã, Sài Gòn 1969, Chương ‘Cái Chết của một Ông Già’.

“...Xin ngã mũ chào người cộng sản miền Bắc, các anh đã hơn Liên Xô, các anh đã hơn Trung Cộng, một thành phố có sức sống cổ kính triền miên, mạnh mẽ như Hà Nội, chỉ sau hơn mười chín năm dưới tay các anh đã trở nên một thành phố ‘vô tính’. Các anh đã thành công khi xóa sạch hết biên giới con người, không còn người già, người trẻ, không phân biệt thiếu nữ hay thanh niên, không chia loại trí thức hay lao động, không phân biệt trẻ con hay người lớn. Tất cả đã được đoàn ngũ hóa, hệ thống hóa, tổng hợp hóa và vô tính hóa... Con người muôn thuở của Hà Nội đã được ‘bạch hóa’ đến cực độ chỉ sau mười chín năm tôi

luyện!!”. Phan Nhật Nam, Tù Binh và Hòa Bình, Hiện Đại, Sài Gòn 1974, Chương ‘Đi Bắc... Về Nam’.

“... Và chúng ta, đừng bao giờ, dù chỉ một lần (một lần thôi quá đủ), tin một người cộng sản (lại là Việt cộng) trên tư cách, giá trị riêng của người ấy. Đừng đối xử họ như một con người với tất cả ưu, khuyết điểm như hàng có của người... Bởi họ đã hoàn toàn ‘tan biến và vô tính hóa’ trong tổ chức của họ”. Phan Nhật Nam, Mùa Đông Giữ Lửa, Tác Giả xuất bản, Houston, TX 1996, Chương ‘Nhìn Rõ Dịch Tình’

Những dòng chữ viết suốt 30 năm như trên phải chăng do, từ mục đích yêu cầu ‘chống cộng điên cuồng một kẻ tay sai đế quốc thực dân, tư bản’. Hẳn hoàn toàn không phải thế, bởi nếu có một định nghĩa thuần thành và chính xác nhất về ‘người vô sản’, chắc chắn bản thân cá nhân sẽ là và phải là thành phần ‘vô sản chính thống’ ấy.

Và như đã là một lần khẳng định khi đang trong tuổi 20... ‘Cuối cùng, chỉ là chúng tôi, những người chống cộng cuối cùng, vô vàn cay đắng. Chống cộng vì không thể là cộng sản, vì đã ở về một ‘phía đối lập với tội ác và dối gạt’.... Trên đại dương mênh mông của bờ biển Bắc phần, chiếc mảng nhỏ gồm những thân tre ghép lại, nhóm dân áo đen rách gồm cả đàn bà và trẻ con, ra sức chèo trong đêm về hướng đông – Hướng mặt trời- đợi ngày tới để được đoàn tàu đi về Nam... Đi về Nam – Tìm Tự Do – Tôi đã đi đúng đường – Dẫu là lối cùng đường với những người được Chết – Tự Do ‘.

Cuối cùng, qua những xác chứng trên, cũng có thể đặt ra vấn đề: “Phải chăng đây chỉ là dòng chữ viết nên do từ cảm tính, bởi nhu cầu, phản ứng của người viết văn trước những tình thế quá độ”. Thưa, hoàn toàn không phải thế, bởi sau đây là những luận cứ từ thực tế lịch sử rọi chiếu. Lịch sử của

một thời đại sa đọa chính trị đáng nguyên rủa với quá trình sinh hoạt dài lâu của xã hội thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng – Thời đại thắng thế của Bạo Lực và Sự Ác trên lương tri, lương năng con người với những sự kiện được “cả loài người tiến bộ hoan nghênh”: Tên Lê-Nin được đặt cho một “giải thưởng hòa bình”; Lê Đức Thọ, bí thư chiến dịch hồ chí minh - chiến dịch đánh chiếm Miền Nam bằng vũ lực - Người “tổ chức, xây dựng nghị quyết 21 Trung Ương đảng, để chuyển thành, “Mệnh lệnh đánh trả 15 tháng 10, 1973 Trung ương cục Miền Nam: Đánh lấy miếng, không đánh gây tiếng. Xử dụng ba thứ quân (chính quy, du kích, địa phương), chủ động trên ba mặt trận (quân sự chính trị, ngoại giao), đánh trên ba vùng(rừng núi, nông thôn, thành thị) để củng cố vùng giải phóng, tranh thủ vùng xôi đậu, ung thối vùng địch, đánh rã từng bộ phận, giành thắng lợi từng phần”.

Cũng chính y, kẻ được Ủy Ban Nobel chia đồng “giải hòa bình” với Kissinger!!

Thế nên, chúng ta cần nói rõ thêm một lần (hay phải đến bao nhiêu lần mới đủ) những lầm lẫn căn bản từ lý thuyết hoang tưởng đến hiện thực ác độc của quá trình tồi tệ gọi là “xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa” đã, đang xảy ra nơi quê nhà do từ những “người cộng sản” mà Bùi Tín “bày hàng” ra để Dân Việt chọn lựa với “cẩn thận và khôn ngoan”, dẫu đã thấm đòn đau, sống nên dạng, chết không yên nắm mồ khi người cộng sản thực hiện “tư tưởng hồ chí minh” – Viên đá tảng của toàn bộ những gì gọi là “Mặt Thật, Hoa Xuyên Tuyết” và nay “Mây Mù Thế Kỷ”. Bởi, tình hình “mù đặc” của đất nước trong thế kỷ này theo ý Bùi Tín, không có nguyên do chính yếu nào ngoài lý do: “...Cũng cần chỉ rõ lời nguy biện của “họ” – (những đảng viên cộng sản không ăn cánh với tập đoàn, cá nhân Bùi

Tín, hiện nay đang cầm đầu ở Việt Nam) – là ngược lại “tư tưởng hồ chí minh”.

Chính ông hồ chứ không ai khác đã mở đầu Tuyên Ngôn Độc Lập – 2-9-1945 bằng những lời trích từ văn kiện của cách mạng tư sản Pháp và cách mạng tư sản Hoa Kỳ, hai cuộc cách mạng rất xa lạ với Châu Á, khẳng định quyền sống trong tự do của mọi dân tộc, của mọi con người”. Trang 259, MÂY MÙ THẾ KỶ. ĐN, 1998.

Tốt lành quá, chúng ta hãy xem xét xuất xứ và hậu quả tác hại của “tư tưởng quái gở, cùng kiệt” này.

CHƯƠNG 8 TỪ LỊCH SỬ

Trong cơn say kích động sau chiến thắng cường đoạt 7 tháng 11, 1917, Lê-nin hướng về Châu Âu buông lời nguyên sắc máu: “...Rồi đây lực lượng công nhân tiến bộ ở các nước tư bản sẽ đứng lên với khí thế mạnh mẽ gấp bội để hoàn tất cuộc cách mạng mà giai cấp công nhân Nga xô-viết đã thành công bước đầu, báo hiệu “đêm hôm trước bình minh cách mạng xã hội chủ nghĩa” đang đến gần”. Và tổ chức giai

cấp công nhân được Lê-nin đánh giá cao, tiến bộ nhất Châu Âu thời buổi ấy là lực lượng thợ thuyền Đức với những đồng chí chiến đấu xuất sắc Karl Liepknecht, Rosa Luxemburg. Ngày 6 Tháng 1, 1919, các “đồng chí chiến đấu, cộng sản Đức-Spartacist” xuống đường, chiếm lĩnh, thành lập những khu xô-viết ở vùng Bavaria, Rhine-land, Hamburg, Ruhr và cuộc chiến trong đường phố bùng nổ ngay giữa thủ đô Berlin đáp lời kêu gọi của Lê-nin từ cuộc cách mạng Tháng 10 Nga. Cuộc nổi dậy của “giai cấp công nhân tiến bộ, được tổ chức cao nhất Châu Âu” theo kỳ vọng của Lê Nin bị dập tắt chỉ trong vòng một tháng, các lãnh tụ K. Liepknecht, R. Luxemburg bị giết trên đường đi đến nhà giam. Thành phần đối mặt với “chiến sĩ cộng sản Đức” trên trận địa đường phố Berlin là là những ai? Chẳng ai đâu xa lạ... Cũng chỉ là những “chiến sĩ cách mạng” của Đảng Xã Hội Đức

và những người lính từ chiến địa trở về - Những người con ưu tú của giai cấp thợ thuyền Đức!! Và khi “đồng chí chiến đấu, cộng sản Đức” những ngã chết trên đường phố Hamburg, Berlin để xiển dương cho một mô thức Nga xô-viết bền vững, thì những người Nga xô-viết lại đang hân hoan cùng thắng lợi vừa thâu đoạt từ “Hiệp Ước Bất Tương Xâm” ký ngày 3 tháng 3 một năm trước, 1918, với tập đoàn “phản động tư bản Đức”-Lực lượng đàn áp không nường tay cuộc khởi nghĩa dậy non do đảng cộng sản Đức chủ động. Vấn đề như thế là thế nào?! Hãy nghe Lê-nin (cũng chính là Lê-nin chứ không ai khác) biện minh và giải thích hành động của mình khi quyết định ký Hiệp Ước Brest-Litov: “Tổ chức là tất cả. Phong trào công nhân không là gì cả”. Và không những chỉ để mặc “người đồng chí anh em” bị phe tư bản hành hình, Lê-nin cũng không hề động tâm về mối đe nhục

quốc gia áp đặt do từ những điều khoảng của hiệp định, thực chất chỉ là một bản văn “bán nước”, theo định nghĩa cụ thể nhất: Nhường cho Đức giải đất mênh mông phía Tây, Tây-Bắc gồm Ba Lan, các nước vùng bể Baltic, cũng có nghĩa Ukraine lẫn Phần Lan đồng bị đặt dưới quyền kiểm soát của Đức. Chưa hết, Nga xô-viết còn chấp thuận trả hết phí tổn, bồi thường chiến tranh bằng tổng sản lượng 80% quặng mỏ và kim loại sắt, thép, đồng thời gom góp hết phần trữ kim của ngân khố để trả giá cho “cam kết bất tương xâm” của người Đức nơi mặt trận phía Tây. Hiệp ước bất bình đẳng, vô lý này đã bị chính Trotsky cực lực phản đối, cùng những tổ chức cách mạng khác như lực lượng Cách Mạng Xã Hội Cánh Hữu của Savinkov phản đối toàn diện. Nhưng bất chấp tất cả, Lê-nin đã nại đến mọi nguyên cơ và biện pháp (kể cả chước dọa “tù chức”), để tập trung sức lực Hồng

quân và lực lượng thợ thuyền Nga vào một mục đích: Củng cố quyền lực nhà nước vô sản trước các cuộc tấn công sắp tới của phe Bạch vệ, Denikin, Kolchak, Wrangel đang trên đường tiến về Moscow và Petrograd. Ông ta chỉ cần đứng vững trước kẻ “nội thù”, dù cũng biết ra rằng người Đức đang trên đà thất trận. Ngày 28 tháng 6, ba tháng sau Hiệp Ước Brest- Liptov, Đức ký Hòa Ước Versailles đầu hàng đồng minh Tây Âu.

CHƯƠNG 9: CÁI GỌI LÀ “TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH”

Bài học “dối dân, bán nước” từ người thầy Lê-nin được một kẻ học trò xuất sắc thấu nhận và áp dụng “nhuần nhuyễn sáng tạo như một sợi chỉ hồng xuyên suốt”. Chúng ta hãy xem “tư tưởng hồ chí minh” hiện thực qua hành động như thế nào.

Hai trăm ngàn quân Tàu vào đất Việt sau ngày Nhật đầu hàng Mỹ ở mặt trận Châu Á - Thái Bình Dương (15 tháng 8,

1945), không làm cho Hồ quan tâm lo lắng bằng mấy trăm cây súng của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Vũ Hồng Khanh và lực lượng quân sự của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, Nguyễn Hải Thần, những hậu thân của Khởi Nghĩa Yên Bái, 1930; Việt Nam Phục Quốc Quân, Việt Nam Kiến Quốc Quân... Những tổ chức cách mạng có chiều dài chiến đấu, lẫn bề dày uy tín từ các vị minh chủ lãnh đạo, Phan Bội Châu, Cường Để, Trần Trung Lập... Sự lo lắng của Hồ xác chứng, “thực lực quân sự dưới quyền chỉ huy của bộ trưởng quốc phòng Võ Nguyên Giáp” chỉ là một đám quân ô hợp, không vũ khí, gồm một đội “vũ trang tuyên truyền”, quân số không quá một đại đội bộ binh thành lập vội vàng từ 22 tháng 12, 1944. Mối lo sợ của Hồ cũng bày ra phân đối gạt về phương diện chính trị - bởi, tổ chức đảng lấy “giai cấp công nhân” làm thành phần chủ đạo chiến lược thành hình

từ 3 tháng 2, 1930 kia thực tế là một “đơn vị khủng bố, chuyên nghiệp vụ ám sát” các nhân vật lãnh đạo những đoàn thể quốc gia, hơn là đấu tranh chính trị cùng đối thủ, thực dân Pháp hay quân phiệt Nhật. Cũng bởi một điều rất giản dị: Lấy đâu ra một “giai cấp công nhân giác ngộ cách mạng vô sản” nơi một nước nông nghiệp thuộc địa chỉ với tổng số 2500 thợ, bao gồm những nông dân bị “thất nghiệp mùa” phải tiến ra thành phố kiếm việc làm chân tay không chuyên môn. Tuy nhiên, Hồ không hề chậm chạp trong thủ đoạn tranh đoạt, kiến tạo quyền lực... “Tuần Lễ Vàng” được mở ra từ 16 đến 22 tháng 9, 1945 với lời kêu gọi của chính phủ cách mạng, “mua vũ khí giữ gìn độc lập dân tộc!!”. Người Việt, những người Việt giản dị và chân thật nhưng không kém phần hào hiệp, hy sinh, dốc hết túi tài sản nhỏ bé, khiêm nhường của mình để “cụ Hồ mua súng giữ nước”. Kết quả vượt

khỏi mức dự tính: Hơn tám trăm cân vàng và hai chục triệu đồng tiền Đông Dương. Hồ đem hết khối lượng giá máu của toàn dân tộc này trao tặng, mua thuốc phiện và trả lương, nuôi ăn lính Lữ Hán. Tại văn phòng Phủ Chủ tịch, Hà Nội, mỗi ngày, Hồ để dành một lon gạo để “cứu đói cho dân!!” – Sự bịp bợm nhần tâm không loại trừ đến cả việc lợi dụng xác thân người dân chết đói!! Bù lại, Lữ Hán làm ngơ để mặc Hồ mật lệnh cho thủ hạ thanh toán các lãnh tụ, cán bộ quốc gia, cũng là đồng chí kháng Nhật của họ ở những năm trước... Khái Hưng, Nhượng Tống, Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Thế Nghiệp, Lý Đông A, Trương Đình Chi... ở Bắc Việt; Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi ở Huế; Tạ Thu thâu ở Quảng Ngãi; Trương Tử Anh ở Phú Yên; Huỳnh Phú Sổ, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm, Nguyễn Văn Sâm... ở Nam bộ và biết bao cán bộ cơ sở của các tổ chức cách mạng quốc gia đồng

lần bị thanh toán trong khoảng thời gian gấp rút của hai năm 1945, 46 khi người cộng sản củng cố quyền lực.

Đến một lúc, đầu năm 1946, khi Hồ qua được giai đoạn thập tử nhất sinh, do đã loại trừ hầu như gần hết các đối thủ chính trị thuộc các đảng phái quốc gia và cũng quá mệt mỏi với đòi hỏi vô độ từ quan viên tướng Tàu, hơn thế nữa, Hồ đã có quá đủ kinh nghiệm với người Trung Hoa, cho dầu Tàu vàng hay Tàu đỏ. Ông ta tâm sự với những đồng chí thân cận: “... Các chú đừng có điên!! Các chú không biết Tàu nó ở lại thì như thế nào sao? Các chú không nhớ bài học lịch sử sao, lần cuối cùng, Tàu nó sang đây, nó ở lại đến cả ngàn năm! Tôi thà ngủi “cút Tây” năm, ba năm còn hơn hít “cút Tàu” đến trọn đời!!”. Có thêm một điều Hồ không tiện nói ra, nếu có một cuộc sống mái giữa các lực lượng quân sự Quốc-Cộng, đạo quân của viên “đại tướng,

bộ trưởng quốc phòng chuyên mặc veston cà-vạt” (cách ăn diện quê kệch được Giáp rất đặc ý) đi duyệt binh kia ắt phải tan vỡ ngay vì chúng không thể nào đương cự với những sư đoàn (các đơn vị Nam bộ) đã quen trận mạc từ thời Nam Kỳ Khởi Nghĩa, 23 tháng 11, 1940 hoặc binh đội của Trần Phước An, Trần Trung Lập, Vũ Hồng Khanh đã đánh chiếm Lạng Sơn, Cao Bằng từ những năm đầu thập kỷ 40.

Để cứu lấy sinh mệnh chính trị, tổ chức quân sự của mình, Hồ chọn biện pháp “mượn dao giết người” – Thuận để quân đội Pháp vượt vĩ tuyến 16, đổ bộ Hải Phòng, vào Hà Nội, thay thế quân Tàu chiếm đóng những vị trí xung yếu ở đất Bắc. Hiệp định sơ bộ 6 tháng 3, 1946 được ký kết mau chóng. Giáp lại được mặc veston, đội mũ phớt bắt tay Leclerc, Tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương dịp Lễ Tưởng Niệm Chiến Sĩ Trận Vong. Bù trừ

việc “mất mặt” nhượng cho quân Pháp trở lại Bắc Việt, Hồ kỳ kèo với Leclerc để thu đoạt một “thắng lợi to lớn” – xe nhà binh Pháp khi di chuyển có trưng thêm cờ Việt Minh. Hồ cũng biết cách đáp lễ để chào đón viên Cao Ủy Cộng Hòa Pháp tại Đông Dương, khi Đô Đốc Thierry D’Argenlieu đến thăm thú Hà Nội – Ra lệnh dân chúng treo cờ mừng “ngày sinh 19 tháng 5 của Hồ chủ tịch”. Phận nước, máu dân còn đem đổi chác huống gì bày đặt thêm một ngày sinh vô nghĩa tùy nghi.

Nhưng thuận để Pháp đổ quân lên đất Bắc, rút quân Tàu đi cốt dẹp mối lo lâu dài về việc các đảng phái quốc gia lẫn lộn, vị thế Hồ vẫn chưa được ổn định, bởi cái chính phủ gọi là “Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa” kia chưa hề được hợp thức hóa của bất cứ chính quyền quốc gia nào, cho dù đấy là đàn anh Nga xô-viết. Bởi, điều khoản quan trọng nhất của Hiệp Định

6 tháng 3 với Sainteny cũng chỉ là một định nghĩa vô dụng, “Việt Nam là một Quốc Gia Tự Do (Free State) có Chính Phủ và Nghị Viện riêng, thành viên của Liên Bang Đông Dương trong khối Liên Hiệp Pháp”, và vấn đề của Nam Kỳ không bao gồm trong định nghĩa này, về một Quốc Gia thống nhất tên gọi Việt Nam. Bởi không thể có một biện pháp tốt cho một vấn đề đã vốn xấu, nên Hội Nghị Hiệp Thương Đà Lạt khai diễn ngày 18 tháng 4 không thể nào giải quyết được những vấn đề nêu từ Hiệp Định Sơ Bộ. Ngày 31 tháng 5, 1946, Hồ đi Pháp với đám tùy tùng do Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn thương thuyết. Người Pháp, từ thắng lợi của sau thế chiến, không nôn nóng và cũng không bị ràng buộc với Hiệp Định 6 tháng 3, trưởng phái đoàn Pháp Max André lập lại những điều khoản không thể chấp thuận được từ hội nghị Đà Lạt. Thông cáo chung ngày 12 tháng 9 là một thất bại toàn

diện đối với phái đoàn Phạm Văn Đồng. Max André nói thẳng thừng, “...Chỉ có vài nhượng bộ về kinh tế, tài chánh mà thôi. Nếu không nhận thì cứ về đi”. Hồ kêu lên cùng Sainteny: “Các ông chớ đối xử với tôi theo cách này, tôi không thể trở về với tay không, hãy cho tôi một khí giới gì để chống với bọn người ở đây (Hà Nội) đang rình chờ truat phết tôi...”

Cuối cùng, nửa đêm 14 tháng 9, 1946 Hồ đến gõ cửa phòng ngủ nhà Marius Moutet, Bộ Trưởng Thuộc Địa Hải Ngoại, một Tạm Ước (*Modus Vivendi*) được ký kết cấp thời, qua đó Hồ nhượng bộ cho Pháp tất cả đòi hỏi, để có được hai “lời hứa”: 1/ Sẽ tổ chức một cuộc Trưng Cầu Dân Ý về vấn đề Nam Kỳ. 2/ Tái xét lại việc hai bên tiếp tục thương thảo, tháng Giêng năm 1947 là chậm nhất. Ngày 19 tháng 12, mặt trận kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Toàn bộ cơ quan đầu não đảng cộng sản đã

ở chốn an toàn nơi chiến khu Việt Bắc, để
trồng những mặt trận nguy nan nhất cho
Dân Quân Tự Vệ thành phố suốt từ Bắc chí
Nam. Chắc chắn một điều: Những Chiến
Sĩ thuộc Trung Đoàn Thủ Đô ôm bom lao
vào xe xích sắt Pháp nơi đường phố Hà Nội
những ngày Tháng 12 năm 1946 kia KHÔNG
HỀ LÀ ĐẢNG VIÊN ĐẢNG CỘNG
SẢN, QUYẾT TỬ ĐỂ XÂY DỰNG CHỦ
NGHĨA XÃ HỘI.

Cuộc chiến kéo dài chín năm dẫn đến
hậu quả: Đất nước bị chia đôi bởi Hiệp Định
Genève cũng do Pháp và người cộng sản
ký kết, 20 tháng 7, 1954, và phải chịu đến
21 năm sau mới thống nhất với giá máu,
mà chỉ tính đến 1973, sau Hiệp Định Pa-
ris, tổng kết tổn thất cũng đã tới những con
số đáng sợ: Miền Nam chết 183. 528 lính,
bị thương nặng 499.026; Miền Bắc và lính
Mặt Trận vong mạng 924.048, chưa kể đến
số lượng 415.000 thường dân Miền Nam tử

thương và 935.000 bị thương trận (Số liệu Year Book 1974, NXB Grôlier, Canada). Đêm Giao Thừa Mậu Thân, Tết 1967 sang 1968, Hồ đọc bốn câu “Thơ Chúc Tết” trên đài Hà Nội: “Xuân này hơn hẳn mấy Xuân qua. Thắng lợi tin vui khắp mọi nhà. Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ. Tiến lên toàn thắng ắt về ta”. Bài thơ bốn câu hai mươi tám chữ đọc lên không quá mấy phút, tính đến cuối tháng Ba 1968, dẫn ngay tới một kết quả: Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa chết và bị thương 20.977; Đồng Minh tử thương 4.124; riêng về dân chúng Miền Nam chịu một tổn thất gồm 14.300 chết, bị thương 24.000, và 627.000 người mất sạch nhà cửa, tài sản (Khối Quân Sử/ BTM/QLVNCH). Người cộng sản cũng không hề nhắc lại (do không hay biết, hoặc không muốn biết), phía họ thiệt hại đến 67.834 người gồm chết, bị thương và bị bắt. Thế nên, họ có thể đã có phần thành thực khi nói về 170 xác

chết bị chôn sống sau lưng trường học Gia Hội Huế (một trong hai mươi vị trí mộ tập thể), chỉ là những “thiếu số” không đáng kể bởi so sánh với tổn thất gần bảy mươi vạn người mạng vong, thương tật kia chẳng?! Đáng sợ thay, chỉ một quá trình vài phút khi hiện thực hai mươi tám chữ ngắn ngủi của cái gọi là ”tư tưởng hồ chí minh”.

CHƯƠNG 10

KẾT TỪ

Ông Th Trg thân,

Tôi bắt đầu bài viết này từ cuối tháng Ba, với phản ứng phiền nhiễu nặng nặng trong lòng do “mặc cảm có tội vì được sống sót, chữ viết ra thấy cũng vô ích” – Cảm giác có thật khi từ Pleiku theo đoàn di tản về đến Tuy Hòa, bám trục thẳng vào Nha Trang. Đêm Mùa Phục Sinh, tháng Ba 1975, bãi biển chập chờn thấp thoáng những cụm người tỵ nạn lẫn tiếng than gầm ghìm chen sóng biển đỏ màu máu dưới trăng. Bài viết kéo dài qua hết tháng Tư, nổi náo nề kia

càng thêm đậm sắc, lại phải đề cập đến người và việc mà thật tâm chỉ muốn vứt đi. Khổ thay, phần im lặng lại bị suy diễn như một cách đồng thuận và những người lính từ lâu không nói lại bị nêu ra như chứng cứ về sự hòa hợp để hợp lý hóa cho Tội Ác. Tuy nhiên, cũng như lần chia tay nơi tận sâu hoạn nạn, khổ nhục, mà chỉ một biên giới cực nhỏ cuối cùng sẽ bước qua bên cảnh chết. Ông với tôi vẫn luôn duy trì hy vọng và giữ chặt cây bút với cực độ tự tin – Công việc mà chúng ta hằng thực hiện mấy mươi năm qua. Cũng sắp hết một đời người với chừng ấy việc mà thôi – Việc của Người Lính cầm bút viết thành văn.

Nhân “ngày sinh không thật của sự chết có thật”.

19 tháng 5, 1999.

